TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đình Hải
2. Ông Phan Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Công Chức - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Loan P**, sinh năm: 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 khu phố Phước Lập, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông **Lê Đức D**, sinh năm: 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 khu phố Phước Lập, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam Ngãi Giao – Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 20 tháng 11 năm 2025 và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan P trình bày:

Bà và ông Lê Đức D bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Uỷ ban nhân dân phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra, đến khoảng năm 2019 thì bà và ông D bắt đầu phát sinh do ông D không chịu đi làm để phụ kinh tế gia đình với bà, một mình bà phải đi làm lo cho gia đình và trả nợ cho ông D. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông D nhưng ông D không thay đổi, bà và ông D trở nên căng thẳng với nhau, cuộc sống giữa hai vợ chồng ngày càng mệt mỏi, bất đồng quan điểm, bà dần không còn tình cảm với ông D. Đến năm 2021 thì bà trở về

nhà mẹ ruột sinh sống, bà và ông D sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân thì bà và ông D không quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm, bà là người trực tiếp chăm sóc trẻ D. Nay xét thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D chung sống có một con chung là trẻ Lê Anh D, sinh ngày 23/12/2014. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ D, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Do bà đã trình bày lời khai và bận công việc gia đình nên bà đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bà, bà cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2026 bị đơn ông Lê Đức D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Loan P bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Uỷ ban nhân dân phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra, đến khoảng năm 2021, 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm. Ông và bà P sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Từ khi sống ly thân thì ông và bà P không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P chung sống có một con chung là trẻ Lê Anh D, sinh ngày 23/12/2014. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao trẻ D uy cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Do hiện tại ông đang bị tạm giam trong vụ án hình sự nên ông đề nghị toà án giải quyết và xét xử vắng mặt ông. Ông cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Loan P được ly hôn với ông Lê Đức D.

Về con chung: Giao trẻ Lê Anh D, sinh ngày 23/12/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ nuôi con chung đối với ông D.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà P chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Loan P khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Lê Đức D. Đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[2] Ông Lê Đức D cư trú tại tổ 16 khu phố Phước Lập, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P, ông D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Loan P và ông Lê Đức D sống chung có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Uỷ ban nhân dân phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Loan P xác định bà và ông Lê Đức D mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu được ly hôn với ông D để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, bà P khai bà và ông D phát sinh mâu thuẫn do ông D không chịu đi làm để phụ kinh tế gia đình với bà, một mình bà phải đi làm lo cho gia đình và trả nợ cho ông D. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông D nhưng ông D không thay đổi, bà và ông D trở nên căng thẳng với nhau, cuộc sống giữa hai vợ chồng ngày càng mệt mỏi, bất đồng quan điểm, bà dần không còn tình cảm với ông D, ông D cũng thừa nhận giữa ông và bà P có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm. Bà P và ông D cùng xác nhận ông bà đã ly thân được một thời gian, không còn sự quan tâm đến nhau. Mặc dù đã được Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà P và ông D không đồng ý quay về chung sống với nhau mà đề nghị được ly hôn. Điều này chứng tỏ giữa bà P và ông D không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông D.

[6] Về con chung: Bà P xác nhận bà và ông D có 01 con chung là trẻ Lê Anh D, sinh ngày 23/12/2014. Hiện tại trẻ D đang sống cùng với bà P. Sau khi ly hôn, bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D, ông D cũng đồng ý giao trẻ D cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Lê Anh D ngày 16 tháng 3 năm 2026 thì trẻ D có nguyện vọng được sống cùng bà P

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt, tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt hiện tại của trẻ D, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ D cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi trẻ D, đây là sự tự nguyện của bà P và không trái luật nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông D.

[8] Về tài sản chung: Bà P và ông D không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề tài sản chung của ông bà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà P với ông D trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà P và ông D xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nợ chung giữa bà P với ông D trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Loan P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Loan P

Cho bà Nguyễn Thị Loan P được ly hôn với ông Lê Đức D

Giấy chứng nhận kết hôn số 142 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 05/9/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là trẻ Lê Anh D ngày 23/12/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông D.

Ông D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Loan P chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003918 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Loan P, ông Lê Đức D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV 12 - TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy